

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN XANH VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN XANH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM GREEN AGRICULTURAL PRODUCT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VN GREEN AGRICULTURAL PRODUCT .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107888162

3. Ngày thành lập: 15/06/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 36 ngõ 4 Bà Triệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0436687777

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
2.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
3.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
4.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
5.	In ấn	1811
6.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
7.	Sao chép bản ghi các loại	1820
8.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
9.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
10.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
12.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
13.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
14.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
15.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
16.	Bán buôn gạo	4631(Chính)
17.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
18.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
19.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
20.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791

21.	Bốc xếp hàng hóa	5224
22.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
23.	Dịch vụ đóng gói	8292
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
25.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
26.	Sản xuất đường	1072
27.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
28.	Trồng cây mía	0114
29.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
30.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
31.	Trồng cây ăn quả Chi tiết: Trồng nho Trồng xoài, cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới Trồng cam, quýt và các loại quả có múi khác Trồng táo, mận và các loại quả có hạt như táo Trồng nhãn, vải, chôm chôm Trồng cây ăn quả khác	0121
32.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
33.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
34.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
35.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
36.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
37.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
38.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
39.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
40.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
41.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
42.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
43.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
44.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
45.	Cơ sở lưu trú khác	5590
46.	Bán buôn thực phẩm	4632
47.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
48.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
49.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
50.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

51.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
52.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
53.	Bán buôn đồ uống	4633
54.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
55.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
56.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
57.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
58.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
59.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
60.	Trồng cây lấy sợi	0116
61.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
62.	Trồng cây hàng năm khác	0119
63.	Sản xuất rượu vang	1102
64.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
65.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
66.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
67.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
68.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
69.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
70.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
71.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
72.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
73.	Chăn nuôi lợn	0145
74.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
75.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
76.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
77.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
78.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
79.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
80.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
81.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
82.	Chăn nuôi gia cầm	0146
83.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
84.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
85.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
86.	Trồng lúa	0111

87.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý xe có động cơ khác	4513
88.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
89.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
90.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
91.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
92.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
93.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
94.	Chăn nuôi khác	0149
95.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
96.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
97.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030

6. Vốn điều lệ: 16.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN HƯƠNG GIANG	Số nhà 36, ngõ 4 Bà Triệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	832.000	8.320.000.000	52,000	111643318	
			Tổng số	832.000	8.320.000.000	52,000		
2	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	201 D6 TT Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	25,000	0011740058 71	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	25,000		

3	NGUYỄN THANH HUYỀN	19/66 Ái Mộ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	368.000	3.680.000.000	23,000	0341730036 04	
			Tổng số	368.000	3.680.000.000	23,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN HƯƠNG GIANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 17/02/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 111643318

Ngày cấp: 30/01/2013 Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 36, ngõ 4 Bà Triệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 36, ngõ 4 Bà Triệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội